

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 441/2025/HC-PT
Ngày: 30/9/2025
V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định
cư khi Nhà nước thu hồi đất*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng

Ông Phan Nhật Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Anh - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Công Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 370/2025/TLPT-HC ngày 15 tháng 5 năm 2025 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 50/2025/HC-ST ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 831/2025/QĐPT-HC ngày 20 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Phạm Văn C; địa chỉ: D ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là D7/233/1 ấp D, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh), (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

- Ông Trần Đình T1, (có mặt);

Địa chỉ: Tầng C - Tòa nhà I, số E Đ, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tầng C – Tòa nhà ItechBlack, số E Đ, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Bà Phạm Thị Hồng Đ, (có mặt);

Địa chỉ: D tổ B, ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là D2/58 tổ B, ấp D, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C: Luật sư Phạm Hoài N – Công ty L2, (có mặt).

Địa chỉ: Tầng C - Tòa nhà I, số E Đ, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tầng C – Tòa nhà ItechBlack, số E Đ, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H.

Địa chỉ: H L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là H L, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn T2, chức vụ: Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố H, (vắng mặt);

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp:

+ Ông Nguyễn Hữu T3, chức vụ: Phó Trưởng Ban bồi thường giải phóng mặt bằng, huyện B (cũ), (vắng mặt);

+ Ông Phạm Lương B, chức vụ: Trưởng phòng Nghiệp vụ thực hiện dự án số C (nay thuộc Sở N1), (có mặt).

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, Thành phố Hồ Chí Minh).

2.3. Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: ông Huỳnh Văn Phạm H, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: ông Hà Tấn L, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, (vắng mặt);

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp:

+ Ông Nguyễn Minh T4, chức vụ: Trưởng Phòng Kinh tế Ủy ban nhân dân xã H, (xin vắng mặt);

+ Bà Trần Thị Phú T5, chức vụ: Chuyên viên Phòng Kinh tế Ủy ban nhân dân xã H, (có mặt).

Địa chỉ: E đường Đ, ấp F, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Hồng Đ6, (vắng mặt);

Địa chỉ: D ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là D7/233/1 ấp D, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Hồng Đ, (có mặt);

Địa chỉ: D tổ B, ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là D2/58 tổ B, ấp D, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh).

- **Người kháng cáo:** Người bị kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B (Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H) và Ủy ban nhân dân huyện B (Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H); Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo tóm tắt tại bản án sơ thẩm và trình bày của người khởi kiện có nội dung như sau:*

Ông C là chủ sử dụng đất, chủ sở hữu nhà tại địa chỉ số D ấp D, xã Đ, huyện B, TP ., diện tích 185,9 m², thuộc một phần các thửa 580, thửa 79, tờ bản đồ số 13, Tài liệu số 02/CT-UB. Hiện trạng trên đất có 1 căn nhà diện tích 97,16 m² (vách gạch + tôn, mái tôn, gạch tàu, cột cây), hiên diện tích 41,76 m² (mái lá, nền xi măng, cột cây), sân đá mi diện tích 26,78 m².

Theo Quyết định số 4270/QĐ-UBND ngày 13/8/2012, Ủy ban nhân dân huyện B thu hồi 110 m² đất của thuộc một phần thửa 49, 81, tờ bản đồ số 43, Tài liệu 2005 (tương ứng một phần thửa 895, 78, 79, 82 tờ bản đồ số 12, 13, Tài liệu 02/CT-UB) thuộc Bộ địa chính xã Đ, huyện B để thực hiện Dự án nâng cấp Quốc lộ E; riêng phần đường có diện tích 34,3 m² do nhà nước trực tiếp quản lý.

Ngày 25/12/2012, Ủy ban nhân dân huyện B có Quyết định số 9293/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định 4270/QĐ-UBND về diện tích thu hồi là 140,4 m².

Ngày 29/10/2015, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 9147/QĐ-UBND bồi thường thiệt hại cho ông Phạm Văn C. Bồi thường thiệt hại về đất, vật kiến trúc đối với diện tích 114,3 m² đất ở mặt tiền Quốc lộ E và 26,1 m² đất nông nghiệp trong khu dân cư nông thôn mặt tiền Quốc lộ E, tổng số tiền bồi thường là 1.552.894.990 đồng (về đất là 1.372.608.286 đồng; về kiến trúc là: 180.286.704 đồng).

Ông C không đồng ý nên ngày 27/01/2016 đã khiếu nại Quyết định số 9147/QĐ-UBND, yêu cầu bồi thường theo giá trị thị trường tại thời điểm ban hành quyết định bồi thường (hơn 20.000.000 đồng/m²) so với giá đất của phương án bồi thường được phê duyệt từ tháng 10/2012 (là 11.609.000 đồng/m²). Đồng thời, diện tích giải tỏa là 145,2/185,9 m² đất, và 95% diện tích căn nhà của ông C. Ông C còn bị ảnh hưởng bởi Dự án xây dựng cao tốc B - L nên ông C đề nghị được giải tỏa trắng cho 1 dự án và bố trí tái định cư cho ông C. Ngoài ra, ông C còn khiếu nại yêu cầu bồi thường theo giá đất ở đối với diện tích đất 26,1 m² do UBND huyện B bồi thường theo giá đất nông nghiệp xen cài khu dân cư là không phù hợp với thực tế sử dụng đất; yêu cầu bồi thường bổ sung diện tích đất, vật kiến trúc còn thiếu.

Ngày 01/10/2018, UBND huyện B ban hành Quyết định số 8698/QĐ-UBND điều chỉnh Quyết định số 4270/QĐ-UBND và Quyết định số 9293/QĐ-UBND của UBND huyện B; điều chỉnh chủ thể và địa chỉ người bị thu hồi đất từ ông C (Phạm Văn C) thành bà Phạm Thị Hồng T6 (đại diện hộ gia đình), lý do căn cứ Giấy chứng nhận quyết sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 00398 do UBND huyện B cấp ngày 12/8/2010, bà T6 là người đại diện các đồng thừa kế đứng tên phần đất do cha ông C là ông Phạm Văn L1 chết để lại (trong đó có phần đất nêu trên của ông C).

Ngày 05/10/2018, UBND huyện B ban hành Quyết định số 8841/QĐ-UBND điều chỉnh Quyết định số 9147/QĐ-UBND của UBND huyện B; điều chỉnh chủ thể và địa chỉ người nhận bồi thường từ ông C thành bà Phạm Thị Hồng T6, căn cứ theo việc điều chỉnh chủ thể bị thu hồi đất theo Quyết định số 8698/QĐ-UBND nêu trên - do bà T6 là người đại diện các đồng thừa kế đứng tên phần đất do cha ông C là ông Phạm Văn L1 chết để lại (trong đó có phần đất nêu trên của ông C).

Không đồng ý với các Quyết định số 8698/QĐ-UBND và Quyết định số 8841/QĐ-UBND về điều chỉnh chủ thể trên nên ông C đã khiếu nại lần đầu các quyết định trên đến Chủ tịch UBND huyện B.

Sau gần 2 năm khiếu nại thì đến ngày 05/11/2018, Chủ tịch UBND huyện B mới ban hành Quyết định số 10546/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại (lần đầu) cho đơn khiếu nại ngày 27/01/2016 của ông C, theo đó, thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 9147/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 và Quyết định số 8841/QĐ-UBND ngày 05/10/2018 của UBND huyện B; không công nhận nội dung khiếu nại của ông C.

Ngày 31/01/2019, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 1631/QĐ-UBND điều chỉnh một phần nội dung Quyết định số 10546/QĐ-UBND.

Ông C không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại số 10546/QĐ-UBND, ông C khiếu nại lần hai. Ngày 01/02/2019, UBND huyện B ban hành Quyết định số 1845/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định 9147/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 và Quyết định số 8841/QĐ-UBND ngày 05/10/2018 của UBND huyện B.

Sau đó, ngày 11/3/2019, ông C gửi đơn khiếu nại Quyết định số 1845/QĐ-UBND ngày 01/02/2019 và Quyết định số 8698/QĐ-UBND của UBND huyện B. Ông C không đồng ý với việc điều chỉnh chủ thể bị thu hồi đất, chủ thể nhận bồi thường từ ông C thành bà Phạm Thị Hồng T6 do nhà và đất này do cha ông C xây dựng từ năm 1987 và cho ông C từ năm 1990, ông C đã sử dụng ổn định từ đó đến nay không có ai tranh chấp. UBND huyện B không căn cứ vào thực tế ông C đã sử dụng, được cha ông C tặng cho đã được UBND xã Đ xác nhận trước đó để giải quyết bồi thường thu hồi đất cho ông C mà chỉ căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Phạm Thị Hồng T6 đại

diện các đồng thừa kế đứng tên khi làm thủ tục khai nhận thừa kế là không chính xác, trái quy định pháp luật.

Ngày 19/8/2019, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 7245/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) đối với đơn khiếu nại ngày 11/3/2019 của ông C, theo đó, không công nhận các nội dung khiếu nại của ông C; công nhận nội dung điều chỉnh chủ thể sử dụng đất tại Quyết định số 8698/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 của UBND huyện B; công nhận nội dung thu hồi, hủy bỏ Quyết định 9147/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 và Quyết định 8841/QĐ-UBND ngày 05/10/2018 tại Quyết định 1845/QĐ-UBND ngày 01/02/2019 của UBND huyện B.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại số 7245/QĐ-UBND nêu trên, ngày 16/9/2019, ông C gửi đơn khiếu nại lần 2 đến Chủ tịch UBND Thành phố H.

Trong thời gian ông C đang khiếu nại thì ngày 12/04/2019, UBND huyện B ban hành Quyết định số 3398/QĐ-UBND bổ sung bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất cho bà Phạm Thị Hồng T6 (đại diện hộ gia đình) đối với phần diện tích nhà, đất ông C đang sử dụng (do cha ông C tặng cho ông C từ trước), đồng thời số tiền bồi thường, hỗ trợ giảm xuống chỉ còn 245.832.257 đồng (quá thấp so với tổng số tiền bồi thường ban đầu là 1.552.894.990 đồng).

Ngày 05/6/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định 2292/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn C (lần hai) với nội dung công nhận Quyết định số 7245/QĐ-UBND nêu trên, ngày 16/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện B.

Ông C cho rằng Ủy ban nhân dân huyện B, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành các quyết định nêu trên là không đúng quy định vì nguồn gốc diện tích đất bị thu hồi được cha ông C là ông Phạm Văn L1 sử dụng từ trước năm 1975 và căn nhà ông C đang ở do ông L1 xây dựng từ năm 1987 và cho ông C năm 1990. Ông C đã sinh sống ổn định, lâu dài từ đó đến nay, không có tranh chấp; căn nhà không thay đổi vị trí, hiện trạng. Sự việc trên đều được người dân xung quanh cũng như các anh chị em trong gia đình xác nhận và làm chứng, có các văn bản làm chứng của người dân và biên bản họp dân ngày 02/6/2015 do Ủy ban nhân dân xã Đ lập. Đồng thời, UBND xã Đ cũng đã nhiều lần tiến hành xác minh và xác nhận nội dung trên tại “Phần xác nhận bổ sung của Ủy ban nhân dân xã Đ” ngày 21/01/2013, công văn 934/UBND ngày 04/6/2015 và công văn 2003/UBND ngày 27/10/2015 để làm cơ sở giải quyết bồi thường cho ông C.

Ngoài ra, căn cứ vào Văn bản ưng thuận của các thành viên đồng thừa kế ngày 07/7/2015 thể hiện các đồng thừa kế (gồm Phạm Văn B1, Phạm Thị Nguyễn Á, Phạm Thị Hồng Y, Phạm Thị Hồng T6, Phạm Thu H1, Phạm Thị Hồng Đ) đồng ý việc ông C được nhận bồi thường do diện tích đất bị thu hồi để thực hiện dự án vì đất và nhà này cha ông C là ông Phạm Văn L1 đã cho ông C trước đây, các đồng thừa kế không có tranh chấp đất và nhà này. Do đó, ông C

là chủ thể sử dụng đất và được bồi thường theo quy định. UBND huyện B xác định chủ thể bồi thường là bà Phạm Thị Hồng T6 (đại diện hộ đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do khai nhận thừa kế) là không có căn cứ.

Ông C khởi kiện và khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

1. Hủy toàn bộ Quyết định 9147/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của UBND huyện B về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho ông Phạm Văn C;

2. Hủy Quyết định số 8698/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 của UBND huyện B về điều chỉnh chủ thể và địa chỉ thường trú tại Quyết định 4270/QĐ-UBND và Quyết định 9293/QĐ-UBND;

3. Hủy Quyết định 8841/QĐ-UBND ngày 05/10/2018 của UBND huyện B về điều chỉnh chủ thể và địa chỉ thường trú tại Quyết định 9147/QĐ-UBND;

4. Hủy Quyết định 10546/QĐ-UBND ngày 05/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện B về giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn C (lần đầu).

5. Hủy Quyết định 1631/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND huyện B về việc điều chỉnh một phần Quyết định 10546/QĐ-UBND ngày 05/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện B về giải quyết khiếu nại lần đầu.

6. Hủy Quyết định 1845/QĐ-UBND ngày 01/02/2019 của UBND huyện B thu hồi, hủy bỏ Quyết định 9147/QĐ-UBND và Quyết định 8841/QĐ-UBND của UBND huyện B;

7. Hủy Quyết định 3398/QĐ-UBND ngày 12/4/2019 của UBND huyện B bổ sung bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất cho bà Phạm Thị Hồng T6 (đại diện hộ gia đình);

8. Hủy Quyết định 7245/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn C (lần 1);

9. Hủy Quyết định 2292/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 của Chủ tịch UBND Thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn C (lần 2).

Yêu cầu:

- Ủy ban nhân dân huyện B lập hồ sơ bồi thường cho ông C;
- Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện B hỗ trợ toàn bộ diện tích 185,9m² đơn giá đất ở theo giá thị trường tại thời điểm trả bồi thường, bồi thường bổ sung;
- Yêu cầu bồi thường bổ sung đối với vật kiến trúc (cổng nhà và hàng rào) 100% đơn giá xây dựng theo giá thị trường tại thời điểm trả bồi thường;
- Yêu cầu bố trí cho ông C một suất tái định cư (do ông C bị thu hồi 140,4m²/185,9m², phần diện tích còn lại không thể tiếp tục sinh sống).

*** Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện B có văn bản số 2737/UBND ngày 29/7/2022 và Văn bản số 2740 /UBND ngày 25/6/2024 trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện như sau:**

Phần đất do ông Phạm Văn C đang sử dụng bị ảnh hưởng trong Dự án nâng cấp Quốc lộ 50 thuộc một phần thửa số 78, 79, 82, tờ bản đồ số 13, tài liệu 02/CT-UB đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH00398 ngày 12 tháng 8 năm 2010 cho bà Phạm Thị Hồng T6 (đại diện hộ gia đình) đứng tên và riêng phần quyền sử dụng đất do ông Phạm Văn L1 sử dụng (chết năm 2009) để lại cho các đồng thừa kế gồm: Phạm Thị B2, Phạm Thị Nguyệt Á1, Phạm Thị Hồng Y, Phạm Thị Hồng T6, Phạm Thu Hồng Đ1, Phạm Văn C (sau đây gọi tắt là bà Phạm Thị Hồng T6 (đại diện hộ gia đình)).

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai đo đạc, thu thập pháp lý liên quan, tại Phiếu kê khai nhà, đất và tài sản bị ảnh hưởng trong dự án đầu tư nâng cấp Quốc lộ E được ông Phạm Văn C ký xác nhận ngày 07 tháng 10 năm 2010, mục Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, tình trạng pháp lý ông Phạm Văn C khai nhận thông tin “do cha mẹ cho”. Từ cơ sở trên, Ủy ban nhân dân xã Đ đã có xác nhận ngày 06 tháng 4 năm 2012 có nội dung:

“ Về đất :

Nguồn gốc đất: cha mẹ cho năm 1990

Thời điểm sử dụng đất: năm 1990”

Trên cơ sở nguồn gốc đất và chủ thể sử dụng đất được Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận nêu trên, Ủy ban nhân dân Huyện ban hành Quyết định số 4270/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2012 về thu hồi đất của ông Phạm Văn C tại xã Đ để thực hiện Dự án nâng cấp Quốc lộ E trên địa bàn huyện B, thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 9293/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 về điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 4270/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Huyện (Điều chỉnh ranh lễ đường giao thông lấy theo tài liệu bản đồ 02/CT-UB, tương ứng tài liệu Bản đồ địa chính).

Đến ngày 21 tháng 01 năm 2013, Ủy ban nhân dân xã Đ có xác nhận thay thế xác nhận ngày 06 tháng 4 năm 2012, qua đó bổ sung nội dung giấy tờ pháp lý: “phần đất đã san lấp xây dựng nhà từ năm 1986”, các nội dung còn lại không thay đổi so với xác nhận ngày 06 tháng 4 năm 2012 và ngày 22 tháng 4 năm 2013, Ủy ban nhân dân xã Đ có Công văn số 255/UBND về việc xác nhận hồ sơ bồi thường của ông Phạm Văn C bị ảnh hưởng Dự án nâng cấp Quốc lộ 50 trên địa bàn xã Đ, có nội dung: “Thông báo về việc tạm cấp số nhà số B-UB-QLĐT ngày 06 tháng 6 năm 2006 cấp cho ông C.....có nguồn gốc của cha Phạm Văn L1 sử dụng trước năm 1975, nhà số D do cha Phạm Văn L1 xây dựng năm 1986 cho lại năm 1990 sử dụng ổn định đến nay không có ai tranh chấp”.

Như vậy, đến thời điểm này, ông Phạm Văn C vẫn chưa cung cấp thông tin khu đất ảnh hưởng dự án đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH00398 ngày 12 tháng 8 năm 2010 cho bà Phạm Thị Hồng T6 (đại diện hộ gia đình). Do đó, trên cơ sở Quyết định thu hồi đất số 4270/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2012 và Quyết định

số 9293/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 về điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 4270/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2012 và các nội dung xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đ nêu trên, Ủy ban nhân dân Huyện đã ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 9147/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2015 với chủ thể bồi thường là ông Phạm Văn C.

Do không đồng ý nội dung Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 9147/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2015, bà Phạm Thị Hồng Đ (đại diện theo ủy quyền cho ông Phạm Văn C) đã có Đơn khiếu nại Quyết định trên đến Ủy ban nhân dân Huyện (Đơn khiếu nại đề ngày 27 tháng 01 năm 2016).

Trong quá trình xác minh nội dung khiếu nại, bà Phạm Thị Hồng Đ (đại diện theo ủy quyền cho ông Phạm Văn C) đã cung cấp cho cơ quan Thanh tra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH00398 ngày 12 tháng 8 năm 2010 và Tờ ưng thuận ngày 07 tháng 7 năm 2015. Ngoài các tài liệu trên, bà Phạm Thị Hồng Đ không có tài liệu chứng minh việc các đồng thừa kế hộ ông Phạm Văn L1 đã thực hiện việc tặng cho, thừa kế đối với phần đất bị ảnh hưởng trong dự án cho ông Phạm Văn C trước ngày công khai Quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân Thành phố (Quyết định số 5044/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2012).

Mặc khác, Tờ ưng thuận ngày 07 tháng 7 năm 2015 chỉ thể hiện nội dung các thành viên gồm: bà Phạm Thị B2, Phạm Thị Nguyệt Á1, Phạm Thị Hồng Y, Phạm Thị Hồng T6, Phạm Thu H1 và Phạm Thị Hồng Đ đồng ý ưng thuận cho ông Phạm Văn C được nhận bồi thường phần nhà, đất bị ảnh hưởng trong Dự án nhưng không có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bản photo). Đồng thời, việc lập giấy ưng thuận được thực hiện sau ngày Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 5044/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2012 về thu hồi và giao đất tại các xã B, P, Đ, Qui Đ2, huyện B để thực hiện Dự án nâng cấp Quốc lộ E.

Căn cứ Điều 42 Luật Đất đai năm 2003, quy định:

“Điều 42. Bồi thường, tái định cư cho người có đất bị thu hồi

1. Nhà nước thu hồi đất của người sử dụng đất mà người bị thu hồi đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50 của Luật này thì người bị thu hồi đất được bồi thường, trừ các trường hợp quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 và 12 Điều 38 và các điểm b, c, d, đ và g khoản 1 Điều 43 của Luật này.”

Căn cứ cơ sở pháp lý nêu trên, ông Phạm Văn C không đảm bảo chủ thể thu hồi đất. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 10546/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2018 về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn C (lần đầu), cụ thể như sau:

Điều 1. Thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 9147/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân huyện B về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất, vật kiến trúc đối với ông Phạm Văn C và Quyết định số 8841/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Huyện B về việc điều chỉnh chủ thể và địa chỉ thường trú tại Quyết định số 9147/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Huyện.

Không công nhận nội dung ông Phạm Văn C khiếu nại yêu cầu bồi thường phần đất diện tích 140,4m² bị ảnh hưởng trong Dự án theo loại đất ở với đơn giá thị trường (khoảng 20.000.000 đồng/m²); yêu cầu bồi thường phần vật kiến trúc còn thiếu như hàng rào, cổng nhà; yêu cầu hỗ trợ chi phí đầu tư hạ tầng/m² do nhà, đất bị giải trắng do bị ảnh hưởng bởi 02 Dự án nâng cấp Quốc lộ E và Dự án B - L trên địa bàn huyện B và yêu cầu bồi thường phần lề đường phía trước nhà theo Bản vẽ hiện trạng vị trí đất do Trung tâm kiểm định bản đồ và T7 lập ngày 26 tháng 10 năm 2010.

Điều 2. Giao Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng Huyện kiểm tra, rà soát hồ sơ pháp lý, tham mưu Ủy ban nhân dân Huyện lập lại hồ sơ bồi thường theo đúng quy định.

Nhằm đảm bảo về hình thức theo Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; ngày 31 tháng 01 năm 2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 1631/QĐ-UBND về việc điều chỉnh một phần Quyết định số 10546/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2018 về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn C (lần đầu), cụ thể:

Điều 1. Điều chỉnh một phần nội dung Quyết định số 10546/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn C (lần đầu), cụ thể như sau:

a) Điều chỉnh tại Điều 1 của Quyết định số 10546/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B:

Từ: “Thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 9147/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân huyện B về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất, vật kiến trúc đối với ông Phạm Văn C và Quyết định số 8841/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Huyện B về việc điều chỉnh chủ thể và địa chỉ thường trú tại Quyết định số 9147/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Huyện.

Không công nhận nội dung ông Phạm Văn C khiếu nại yêu cầu bồi thường phần đất diện tích 140,4m² bị ảnh hưởng trong Dự án theo loại đất ở với đơn giá thị trường (khoảng 20.000.000 đồng/m²); yêu cầu bồi thường phần vật kiến trúc còn thiếu như hàng rào, cổng nhà; yêu cầu hỗ trợ chi phí đầu tư hạ tầng/m² do nhà, đất bị giải trắng do bị ảnh hưởng bởi 02 Dự án nâng cấp Quốc lộ E và Dự án B - L trên địa bàn huyện B và yêu cầu bồi thường phần lề đường phía trước

nhà theo Bản vẽ hiện trạng vị trí đất do Trung tâm kiểm định bản đồ và T7 lập ngày 26 tháng 10 năm 2010”.

T: “Không công nhận nội dung ông Phạm Văn C khiếu nại yêu cầu bồi thường phần đất diện tích 140,4m² bị ảnh hưởng trong Dự án theo loại đất ở với đơn giá thị trường (khoảng 20.000.000 đồng/m²); yêu cầu bồi thường phần vật kiến trúc còn thiếu như hàng rào, cổng nhà; yêu cầu hỗ trợ chi phí đầu tư hạ tầng/m² do nhà, đất bị giải trắng do bị ảnh hưởng bởi 02 Dự án nâng cấp Quốc lộ E và Dự án B - L trên địa bàn huyện B và yêu cầu bồi thường phần lề đường phía trước nhà theo Bản vẽ hiện trạng vị trí đất do Trung tâm kiểm định bản đồ và T7 lập ngày 26 tháng 10 năm 2010”.

b) Điều chỉnh tại Điều 2 của Quyết định số 10546/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B:

Từ: “Giao Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng Huyện kiểm tra, rà soát hồ sơ pháp lý, tham mưu Ủy ban nhân dân Huyện lập lại hồ sơ bồi thường theo đúng quy định”.

T: “Giao Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng Huyện kiểm tra, rà soát hồ sơ pháp lý, tham mưu Ủy ban nhân dân Huyện lập lại hồ sơ bồi thường theo đúng chủ thể, loại đất trong thời hạn 10 ngày”.

Trên cơ sở kết quả giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 10546/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2018 và Quyết định số 1631/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2019, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 1845/QĐ-UBND về thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 9147/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân huyện B về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất, vật kiến trúc đối với ông Phạm Văn C và Quyết định số 8841/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc điều chỉnh chủ thể và địa chỉ thường trú tại Quyết định số 9147/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân huyện B.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 3398/QĐ-UBND về việc điều chỉnh chủ thể và địa chỉ thường trú tại Quyết định số 4270/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2012 và Quyết định số 9293/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân huyện B (quyết định thu hồi đất)

Như vậy, sau khi rà soát hồ sơ pháp lý, Ủy ban nhân dân huyện B đã điều chỉnh chủ thể sử dụng đất tại các quyết định thu hồi đất và lập lại hồ sơ bồi thường, hỗ trợ theo chủ thể sử dụng đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00398 ngày 12 tháng 8 năm 2010, cụ thể: Từ: “Ông Phạm Văn C, địa chỉ thường trú: D7/233/1 ấp D, xã Đ, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh”. T: “Bà Phạm Thị Hồng T6 (đại diện hộ gia đình) đứng tên, địa chỉ thường trú: D7/233A ấp D, xã Đ, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh và riêng phần quyền sử dụng đất do Phạm Văn L1 sử dụng (chết năm 2009) để lại cho các đồng thừa kế gồm:

Phạm Thị B2, Phạm Thị Nguyệt Á1, Phạm Thị Hồng Y, Phạm Thị Hồng T6, Phạm Thu H1, Phạm Thị Hồng Đ, Phạm Văn C”.

Từ cơ sở trên, Quyết định số 1631/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B được ban hành đúng quy định và là một bộ phận không tách rời của Quyết định số 10546/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn C.

3.2. Đối với Quyết định số 2292/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn C (lần hai).

Đối với nội dung này, Ủy ban nhân dân thành phố H đã có ý kiến tại Công văn số 1933/UBND-NCPC ngày 11 tháng 4 năm 2024 về đơn khởi kiện của ông Phạm Văn C, huyện B gửi Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (*Kèm Công văn*).

Từ các cơ sở pháp lý nêu trên, Ủy ban nhân dân huyện B kính đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo hướng bác toàn bộ các nội dung khởi kiện của ông Phạm Văn C.

*** Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B có văn bản số 2415/UBND ngày 19/6/2024 trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện như sau:**

Phần đất do ông Phạm Văn C đang sử dụng bị ảnh hưởng trong Dự án nâng cấp Quốc lộ E thuộc một phần thửa số 78, 79, 82, tờ bản đồ số 13, tài liệu 02/CI-UB đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH00398 ngày 12 tháng 8 năm 2010 cho bà Phạm Thị Hồng T6 (đại diện hộ gia đình) đứng tên và riêng phần quyền sử dụng đất do ông Phạm Văn L1 sử dụng (chết năm 2009) để lại cho các đồng thừa kế gồm: Phạm Thị B2, Phạm Thị Nguyệt A, Phạm Thị Hồng Y, Phạm Thị Hồng T6, Phạm Thu Hồng Đ1, Phạm Văn C (sau đây gọi tắt là bà Phạm Thị Hồng T6 (đại diện hộ gia đình)).

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai đo đạc, thu thập pháp lý liên quan, tại Phiếu kê khai nhà, đất và tài sản bị ảnh hưởng trong dự án đầu tư nâng cấp Quốc lộ E được ông Phạm Văn C ký xác nhận ngày 07 tháng 10 năm 2010, mục. Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, tình trạng pháp lý ông Phạm Văn C Khai nhận thông tin "do cha mẹ cho". Từ cơ sở trên, Ủy ban nhân dân xã Đ đã có xác nhận ngày 06 tháng 4 năm 2012 có nội dung:

" Về đất :

Nguồn gốc đất: cha mẹ cho năm 1990

Thời điểm sử dụng đất: năm 1990"

Trên cơ sở nguồn gốc đất và chủ thể sử dụng đất được Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận nêu trên, Ủy ban nhân dân Huyện ban hành Quyết định số

4270/0D-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2012 về thu hồi đất của ông Phạm Văn C tại xã Đ để thực hiện Dự án nâng cấp Quốc lộ E trên địa bàn huyện B, thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 9293/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 về điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 4270/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Huyện (Điều chỉnh ranh lễ đường giao thông lấy theo tài liệu bản đồ 02/CT-UB, tương ứng tài liệu Bản đồ địa chính).

Đến ngày 21 tháng 01 năm 2013, Ủy ban nhân dân xã Đ có xác nhận thay thế xác nhận ngày 06 tháng 4 năm 2012, qua đó bổ sung nội dung giấy tờ pháp lý: "phần đất đã san lấp xây dựng nhà từ năm 1986", các nội dung còn lại không thay đổi so với xác nhận ngày 06 tháng 4 năm 2012 và ngày 22 tháng 4 năm 2013, Ủy ban nhân dân xã Đ có Công văn số 255/UBND về việc xác nhận hồ sơ bồi thường của ông Phạm Văn C bị ảnh hưởng Dự án nâng cấp Quốc lộ 50 trên địa bàn xã Đ, có nội dung: "Thông báo về việc tạm cấp số nhà số B-UB-QLĐT ngày 06 tháng 6 năm 2006 cấp cho ông Phạm Văn C.....có nguồn gốc của cha Phạm Văn L1 sử dụng trước năm 1975, nhà số D do cha Phạm Văn L1 xây dựng năm 1986 cho lại năm 1990 sử dụng ổn định đến nay không có ai tranh chấp".

Như vậy, đến thời điểm này, ông Phạm Văn C vẫn chưa cung cấp thông tin khu đất ảnh hưởng dự án đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH00398 ngày 12 tháng 8 năm 2010 cho bà Phạm Thị Hồng T6 (đại diện hộ gia đình). Do đó, trên cơ sở Quyết định thu hồi đất số 4270/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2012 và Quyết định số 9293/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 về điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 4270/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2012 và các nội dung xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đ nêu trên, Ủy ban nhân huyện đã ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 9147/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2015 với chủ thể bồi thường là ông Phạm Văn C.

Do không đồng ý nội dung Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 9147/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2015, bà Phạm Thị Hồng Đ (đại diện theo ủy quyền cho ông Phạm Văn C) đã có Đơn khiếu nại Quyết định trên đến Ủy ban nhân dân Huyện (Đơn khiếu nại đề ngày 27 tháng 01 năm 2016).

Trong quá trình xác minh nội dung khiếu nại, bà Phạm Thị Hồng Đ (đại diện theo ủy quyền cho ông Phạm Văn C) đã cung cấp cho cơ quan Thanh tra (Thanh tra Huyện) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH00398 ngày 12 tháng 8 năm 2010 và Tờ ưng thuận ngày 07 tháng 7 năm 2015. Ngoài các tài liệu trên, bà Phạm Thị Hồng Đ không có tài liệu chứng minh việc các đồng thừa kế hộ ông Phạm Văn L1 đã thực hiện việc tặng cho, thừa kế đối với phần đất bị ảnh hưởng trong dự án cho ông Phạm Văn C trước ngày công khai Quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân Thành phố (Quyết định số 5044/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2012).

Mặc khác, Tờ ưng thuận ngày 07 tháng 7 năm 2015 chỉ thể hiện nội dung các thành viên gồm: bà Phạm Thị B2, Phạm Thị Nguyệt Á1, Phạm Thị Hồng Y, Phạm Thị Hồng T6, Phạm Thu H1 và Phạm Thị Hồng Đ đồng ý ưng thuận cho

ông Phạm Văn C được nhận bồi thường phần nhà, đất bị ảnh hưởng trong Dự án nhưng không có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bản pho to). Đồng thời, việc lập giấy ưng thuận được thực hiện sau ngày Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 5044/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2012 về thu hồi và giao đất tại các xã B, P, Đ, Qui Đ2, huyện B để thực hiện Dự án nâng cấp Quốc lộ E.

Căn cứ Điều 42 Luật Đất đai năm 2003, quy định:

"Điều 42. Bồi thường, tái định cư cho người có đất bị thu hồi

1. Nhà nước thu hồi đất của người sử dụng đất mà người bị thu hồi đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50 của Luật này thì người bị thu hồi đất được bồi thường, trừ các trường hợp quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 10, 11 và 12 Điều 38 và các điểm b, c, d, đ và g khoản 1 Điều 43 của Luật này. "

Căn cứ cơ sở pháp lý nêu trên, ông Phạm Văn C không đảm bảo chủ thể thu hồi đất. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 10546/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2018 về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn C (lần đầu), theo đó, hủy bỏ Quyết định số 9147/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân huyện B và Quyết định số 8841/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện B. Không công nhận nội dung ông Phạm Văn C.

Trên cơ sở kết quả giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 10546/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2018 và Quyết định số 1631/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2019, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 1845/QĐ-UBND về thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 9147/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2015 và Quyết định số 8841/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện B. Quyết định số 1631/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B được ban hành đúng quy định và là một bộ phận không tách rời của Quyết định số 10546/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn C. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C.

*** Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H có văn bản số 1933 /UBND ngày 11/4/2024 trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện như sau:**

Cơ sở để Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 2292/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2023:

- Đối với việc ông Phạm Văn C khiếu nại yêu cầu không điều chỉnh chủ thể sử dụng đất; thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 8698/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc điều chỉnh chủ thể và địa chỉ thường trú tại Quyết định số 4270/QĐ- UBND ngày 13 tháng 8 năm 2012 và Quyết định số 9293/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012: Căn cứ Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số vào sổ CH00398 cấp ngày 12 tháng 8 năm 2010 thể hiện chủ thể được Ủy ban nhân dân huyện B chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các phần đất còn lại sau khi đã chuyển nhượng thuộc một phần các thửa 78, thửa 79, thửa 80, thửa 82 và thi thửa 81, trọn thửa 580, tờ bản đồ số 13, theo tài liệu 02/CT-UB, Bộ địa chính xã Đ tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 111/QSDĐ cấp ngày 15 tháng 3 năm 2000 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 2143/QSDĐ cấp ngày 15 tháng 5 năm 2000 được điều chỉnh thành bà Phạm Thị Hồng T6 (đại diện hộ gia đình đứng tên trên giấy chứng nhận, riêng phần quyền sử dụng đất do ông Phạm Văn L1 chết năm 2009 để lại gồm các đồng thừa kế là Phạm Thị B2, Phạm Thị Nguyệt Á1, Phạm Thị Hồng Y, Phạm Thị Hồng T6, Phạm Thu H1, Phạm Văn C theo Văn bản khai nhận di sản thừa kế số 04/HĐ quyền số 01/10TP/CC- SCT/HĐGD được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ chứng thực ngày 11 tháng 01 năm 2010).

Mặt khác, Tờ ung thuận thể hiện các đồng thừa kế của ông Phạm Văn L1 thống nhất cho ông Phạm Văn C được nhận bồi thường phần nhà bị ảnh hưởng trong Dự án được lập ngày 07 tháng 7 năm 2015 (không có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được lập sau ngày Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 4270/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2012 về thu hồi đất của ông Phạm Văn C tại xã Đ để thực hiện Dự án).

Do đó, việc ông Phạm Văn C khiếu nại yêu cầu không điều chỉnh chủ thể sử dụng đất; thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 8698/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc điều chỉnh chủ thể và địa chỉ thường trú tại Quyết định số 4270/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2012 và Quyết định số 9293/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 là không có cơ sở.

- Đối với việc ông Phạm Văn C khiếu nại yêu cầu không điều chỉnh chủ thể sử dụng đất; thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1845/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 9417/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2015 về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất, vật kiến trúc đối với ông Phạm Văn C và Quyết định số 8841/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2018 về điều chỉnh chủ thể và địa chỉ thường trú tại Quyết định số 9417/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân huyện B:

Phần đất bị ảnh hưởng trong Dự án có diện tích 145,2m², thuộc một phần thửa 723, tờ bản đồ số 01, theo tài liệu 299/TTg, tương ứng một phần thửa 895, tờ bản đồ số 12 và một phần các thửa 78, thửa 79, thửa 82, đường, tờ bản đồ số 13; theo tài liệu 02/CT-UB (riêng phần đường có diện tích 4,8m²), tương ứng một phần các thửa 49, thửa 81, đường, tờ bản đồ số 43; theo tài liệu năm 2005 (riêng phần đường có diện tích 34,3m²), Bộ địa chính xã Đ. Phần đất trên theo tài liệu 299/TTg do hộ ông Phạm Văn L1 đăng ký sử dụng và đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo tài liệu 02/CT-UB (đối với phần đất thuộc một phần các thửa 78, thửa 79, thửa 82) trước thời

điểm hoàn thành việc lập bản đồ địa chính tài liệu năm 2005, được Thường trực Ủy ban nhân dân huyện B thống nhất xác định ranh lẽ đường lấy theo tài liệu 02/CT-UB, diện tích thu hồi là 140,4m² (đã trừ phần đường có diện tích 4,8m²). Ông Phạm Văn L1 chết năm 2009, các đồng thừa kế gồm Phạm Thị B2, Phạm Thị Nguyệt Á1, Phạm Thị Hồng Y, Phạm Thị Hồng T6, Phạm Thu H1, Phạm Thị Hồng Đ3, Phạm Văn C (bà Phạm Thị Hồng T6 đại diện hộ gia đình đứng tên trên Giấy chứng nhận đã cấp đổi với phần đất thuộc một phần các thửa 78, thửa 79, thửa 82). Theo Tờ ung thuận ngày 07 tháng 7 năm 2015, các đồng thừa kế của ông Phạm Văn L1 chỉ thống nhất cho ông Phạm Văn C được nhận bồi thường phần nhà bị ảnh hưởng trong Dự án, không thể hiện rõ là tặng cho hay chỉ ủy quyền cho ông Phạm Văn C nhận tiền bồi thường. Mặt khác, Tờ ung thuận nêu trên không có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được lập sau ngày Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định thu hồi đất (Quyết định số 4270/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2012).

Về quá trình tạo lập, xây dựng căn nhà địa chỉ D, ấp D, xã Đ, huyện B: Nhà xây dựng trên một phần thửa số 49, 81 tờ bản đồ số 13 theo Tài liệu 2005 tương ứng một phần thửa 78, 79, 82 Tờ bản đồ số 13 theo Tài liệu 02/CT-UB, căn nhà nêu trên được tạo lập sau năm 2006.

Cơ sở xác định thời điểm xây dựng là theo Bản đồ địa chính không thể hiện nhà và Phiếu công khai thông tin nhà đất do ông Phạm Văn L1 (cha ông Phạm Văn C) kê khai năm 2006 không thể hiện nhà.

Việc Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, thời điểm xây dựng nhà của ông C tại 02 Văn bản với 02 thời điểm khác nhau (năm 1987 và 2007) đã được Đảng ủy xã Đ xử lý kỷ luật tại Quyết định số 63-QĐ/CB ngày 29 tháng 11 năm 2016 đối với đồng chí Trịnh Tuấn P, công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường với lý do: Chủ quan thiếu trách nhiệm, chỉ căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, văn bản và lời khai của dân, thiếu kiểm tra thực tế đã tham mưu Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận sai vị trí căn nhà: Vị trí căn nhà số D của ông Phạm Văn C xây dựng năm 1986 không nằm trong ranh giải tỏa Dự án nâng cấp mở rộng Quốc lộ E, căn nhà bị giải tỏa trong Dự án nâng cấp mở rộng Quốc lộ E là căn nhà không số và Ủy ban nhân dân huyện B đã ban hành Quyết định số 13835/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 về kỷ luật đối với ông Thái Văn H2, công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường với lý do: Thiếu kiểm tra thực tế hiện trạng dẫn đến sai sót trong việc tham mưu xác nhận hồ sơ bồi thường của hộ gia đình ông Phạm Văn C trong Dự án nâng cấp mở rộng Quốc lộ E.

Về đất bị ảnh hưởng trong Dự án nâng cấp Quốc lộ 50: là do ông Phạm Văn L1 (cha của ông Phạm Văn C) kê khai đăng ký, đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00398 ngày 12 tháng 8 năm 2010 cho bà Phạm Thị Hồng T6 đại diện hộ gia đình đứng tên.

Về thời điểm xây dựng nhà: Theo bản đồ địa chính năm 2005 không thể hiện có nhà và trên Phiếu thông tin nhà đất do ông Phạm Văn L1 (chả thể biển Phạm Văn C) kê khai năm 2006: không có nhà. Như vậy, thời điểm xây dựng nhà, hàng rào và công nhà xây dựng phải sau kê khai năm 2006.

Do đó, việc ông Phạm Văn C khiếu nại yêu cầu không điều chỉnh chủ thể sử dụng đất; thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1845/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 9417/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2015 về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất, vật kiến trúc đối với ông Phạm Văn C và Quyết định số 8841/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2018 về điều chỉnh chủ thể và địa chỉ thường trú tại Quyết định số 9417/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân huyện B là không có cơ sở.

Đề nghị Tòa án xét xử giữ nguyên Quyết định 2292/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 của Chủ tịch UBND Thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn C (lần 2).

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện:

- Yêu cầu Tòa án hủy các quyết định hành chính:

- + Quyết định số 9147/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của Ủy ban nhân dân huyện B Bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất, vật kiến trúc đối với ông Phạm Văn C, địa chỉ thường trú D ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ giải tỏa D7/233/1 ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh trong Dự án nâng cấp Quốc lộ 50 trên địa bàn huyện B;

- + Quyết định số 8698/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện B Về việc điều chỉnh chủ thể và địa chỉ thường trú tại Quyết định số 4270/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2012 và Quyết định số 9293/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân huyện B;

- + Quyết định số 8841/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc điều chỉnh chủ thể và địa chỉ thường trú tại Quyết định số 9147/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân huyện B;

- + Quyết định số 10546/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn C (lần đầu);

- + Quyết định số 1631/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B Về việc điều chỉnh một phần nội dung Quyết định số 10546/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B;

- + Quyết định số 1845/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện B Về việc thu hồi hủy bỏ Quyết định số 9147/QĐ-UBND ngày

29 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân huyện B về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất, vật kiến trúc đối với ông Phạm Văn C và Quyết định số 8841/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc điều chỉnh chủ thể và địa chỉ thường trú tại Quyết định số 9147/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân huyện B;

+ Quyết định số 3398/QĐ-UBND ngày 12/4/2019 của Ủy ban nhân dân huyện B Bổ sung bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất đối với bà Phạm Thị Hồng T6 (đại diện hộ gia đình), địa chỉ giải tỏa: D7/233, D7/233B ấp D, xã Đ, huyện B trong Dự án nâng cấp Quốc lộ 50 trên địa bàn huyện B;

+ Quyết định số 7245/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn C (lần đầu);

+ Quyết định số 2292/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H Về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn C (lần hai).

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện B phải lập hồ sơ bồi thường cho ông C. Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện B hỗ trợ toàn bộ diện tích 185,9m² đơn giá đất ở theo giá thị trường tại thời điểm trả bồi thường, bồi thường bổ sung. Yêu cầu bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho ông C đối với phần vật kiến trúc, diện tích đất còn thiếu (cổng nhà và hàng rào) theo mức hỗ trợ 100% đơn giá thị trường tại thời điểm trả bồi thường và bố trí cho ông C 01 suất tái định cư (do ông C bị thu hồi 140,4m²/185,9m², phần diện tích còn lại không thể tiếp tục sinh sống).

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 50/2025/HC-ST ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 157, Điều 158; Điều b khoản 2 Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của UBND Thành phố H ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C.

- Hủy các quyết định:

+ Quyết định số 9147/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của Ủy ban nhân dân huyện B Bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất, vật kiến trúc đối với ông Phạm Văn C, địa chỉ thường trú D ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ giải tỏa D7/233/1 ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh trong Dự án nâng cấp Quốc lộ 50 trên địa bàn huyện B;

+ Quyết định số 8698/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện B Về việc điều chỉnh chủ thể và địa chỉ thường trú tại Quyết định số 4270/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2012 và Quyết định số 9293/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân huyện B;

+ Quyết định số 8841/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc điều chỉnh chủ thể và địa chỉ thường trú tại Quyết định số 9147/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân huyện B;

+ Quyết định số 10546/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn C (lần đầu);

+ Quyết định số 1631/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc điều chỉnh một phần nội dung Quyết định số 10546/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B;

+ Quyết định số 1845/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc thu hồi hủy bỏ Quyết định số 9147/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân huyện B về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất, vật kiến trúc đối với ông Phạm Văn C và Quyết định số 8841/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc điều chỉnh chủ thể và địa chỉ thường trú tại Quyết định số 9147/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân huyện B;

+ Quyết định số 3398/QĐ-UBND ngày 12/4/2019 của Ủy ban nhân dân huyện B Bổ sung bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất đối với bà Phạm Thị Hồng T6 (đại diện hộ gia đình), địa chỉ giải tỏa: D7/233, D7/233B ấp D, xã Đ, huyện B trong Dự án nâng cấp Quốc lộ 50 trên địa bàn huyện B;

+ Quyết định số 7245/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn C (lần đầu);

+ Quyết định số 2292/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn C (lần hai).

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện B thực hiện nhiệm vụ, công vụ, ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông Phạm Văn C theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 22/4/2025, người bị kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B (Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H) và Ủy ban nhân dân huyện B (Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H) có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Ngày 31/3/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 2723/QĐ-VKS-HC đề nghị xét xử phúc thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B (Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H) và Ủy ban nhân dân huyện B (Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H), bà Trần Thị Phú T5 trình bày: Quy định của ủy ban thành phố và hội đồng bồi thường đã nêu về điều kiện bồi thường cần có giấy chứng nhận, xét phần đất của bà T6, ủy ban xác định việc tính bồi thường sẽ căn cứ vào giấy chứng nhận. Do đó, sau khi ra soát lại hồ sơ đã xác định lại chủ thể là bà T6 (đại diện hộ gia đình) thay cho ông C. Ủy ban đã lập hồ sơ bồi thường bổ sung lại cho bà T6 là đúng theo quy định. Đối với phần diện tích bồi thường là theo đất nông nghiệp dựa trên giấy chứng nhận là đúng theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H, ông Phạm Lương B trình bày: Căn cứ kháng cáo của Chủ tịch ủy ban huyện B (cũ) trước hết dựa trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hồ sơ bồi thường cho bà T6 là đúng theo quy định. Về xác định bồi thường, đất trên giấy là đất nông nghiệp, cấp sơ thẩm giải quyết là không đảm bảo. Theo xác nhận cuối cùng của Ủy ban nhân dân xã Đ, căn nhà xây dựng sau, ủy ban xác định đất là đất nông nghiệp, cấp sơ thẩm không căn cứ vào các tài liệu do ủy ban cung cấp, lại căn cứ vào thông báo cấp sổ nhà để tuyên là không phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo, kháng nghị.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Trần Đình T1, bà Phạm Thị Hồng Đ và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện - Luật sư Phạm Hoài N trình bày: Kháng cáo và kháng nghị đều xác định căn

nhà ông C không đủ điều kiện bồi thường. Về những căn cứ mà ủy ban và viện kiểm sát đưa ra là không đúng quy định pháp luật, các tài liệu không đảm bảo tính chính xác và tính tạo lập. Công văn số 934, 2003 của ủy ban xã Đ đã xác nhận căn nhà ông C có nguồn gốc do cha ông C sử dụng từ năm 1975, sau này để lại cho ông C. Ông C có thông báo xin cấp lại sổ nhà, quá trình sử dụng ông C đã đăng ký hộ khẩu thường trú, làm thủ tục tách thửa nhưng nhận thông báo bị vướng về giải tỏa mặt bằng. Những người dân xung quanh đều xác định đây là căn nhà của ông C. Có 02 nhà thể hiện trên bản vẽ, phần thể hiện này phù hợp với giấy chứng nhận cấp cho ông C. Như vậy, trên thửa đất chỉ có 02 căn nhà, cấp sơ thẩm nhận định về nhà đất của ông C là có cơ sở. Kháng nghị và kháng cáo đối với các yêu cầu khởi kiện của ông C là không phù hợp, phần diện tích bị ảnh hưởng của ông C theo quy định thuộc trường hợp được bồi thường, hỗ trợ về đất ở là đúng. Phần diện tích còn lại thực tế không thể cải tạo, ông C cũng không còn chỗ ở nào khác, do đó việc tiến hành bồi thường là cần thiết, phù hợp với quy định. Xét thấy bản án sơ thẩm đã xem xét khách quan, phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, kháng nghị, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: nhà ông C xây dựng sau năm 2006 nên không nằm trong diện bồi thường đất ở, do đó việc bồi thường theo diện đất nông nghiệp là hoàn toàn phù hợp. Ông C không bị thu hồi toàn bộ diện tích đất, đất bị thu hồi không phải đất ở nên yêu cầu bố trí tái định cư là không đúng quy định. Bản án sơ thẩm là không phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên, xét kháng cáo của người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, Thành phố Hồ Chí Minh), trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vắng mặt có người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có mặt; người đại diện theo ủy quyền

của người bị kiện vắng mặt; người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện có mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có người đại diện theo ủy quyền có mặt; Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính 2015, Tòa án tiến hành phiên toà phúc thẩm xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng trên.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết

Ông Phạm Văn C khởi kiện và khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án hủy các quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm: Quyết định số 9147/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho ông Phạm Văn C; Quyết định số 8698/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 về điều chỉnh chủ thể và địa chỉ thường trú tại Quyết định số 4270/QĐ-UBND và Quyết định số 9293/QĐ-UBND (về thu hồi đất); Quyết định số 8841/QĐ-UBND ngày 05/10/2018 về điều chỉnh chủ thể và địa chỉ thường trú tại Quyết định số 9147/QĐ-UBND (về bồi thường); Quyết định số 1845/QĐ-UBND ngày 01/02/2019 thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 9147/QĐ-UBND và Quyết định số 8841/QĐ-UBND; Quyết định số 3398/QĐ-UBND ngày 12/4/2019 bổ sung bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất cho bà Phạm Thị Hồng T6 (đại diện hộ gia đình);

Ngoài ra, ông C còn khởi kiện yêu cầu: hủy Quyết định số 10546/QĐ-UBND ngày 05/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện B về giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn C (lần đầu); Quyết định số 1631/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND huyện B điều chỉnh một phần Quyết định số 10546/QĐ-UBND ngày 05/11/2018; hủy Quyết định số 7245/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn C (lần đầu); Hủy Quyết định số 2292/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 của Chủ tịch UBND Thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn C (lần hai); buộc: Ủy ban nhân dân huyện B (*kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, Thành phố Hồ Chí Minh*) lập hồ sơ bồi thường, hỗ trợ cho ông C toàn bộ diện tích 185,9m² theo đơn giá đất ở theo giá thị trường tại thời điểm trả bồi thường, bồi thường bổ sung; bồi thường bổ sung đối với vật kiến trúc (cổng nhà và hàng rào) 100% đơn giá xây dựng theo giá thị trường tại thời điểm trả bồi thường; bố trí cho ông C một suất tái định cư (do ông C bị thu hồi 140,4m²/185,9m², phần diện tích còn lại không thể tiếp tục sinh sống).

Xét các yêu cầu khởi kiện nêu trên của ông C là khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính, còn thời hiệu và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30; khoản 3, khoản 4 Điều 32; điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành

Thực hiện Dự án nâng cấp Quốc lộ E đi qua địa bàn huyện B, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành các quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông Phạm Văn C là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền quy định tại Điều 67, Điều 68, khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

Không đồng ý với các quyết định bồi thường, bồi thường hỗ trợ bổ sung, điều chỉnh của Ủy ban nhân dân huyện B, ông Phạm Văn C khiếu nại. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại là đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục quy định tại khoản 1 Điều 18 và khoản 2 Điều 21, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 36, Điều 38, Điều 39 và Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011.

[2.2] Về nội dung (xét các nội dung kháng cáo, kháng nghị).

[2.2.1] Về vị trí, loại đất, nguồn gốc và quá trình tạo lập, sử dụng đất.

Nhà đất tại địa chỉ số D ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích 185,9 m², thuộc một phần các thửa 580, thửa 79, tờ bản đồ số 13, Tài liệu 02/CT-UB. Hiện trạng trên đất có 01 căn nhà diện tích 97,16m² (vách gạch + tôn, mái tôn, gạch tàu, cột cây), hiên diện tích 41,76m² (mái lá, nền xi măng, cột cây), sân đá mi diện tích 26,78m².

Ngày 13/8/2012, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 4270/QĐ-UBND thu hồi 110m² đất của thuộc một phần thửa 49, 81, tờ bản đồ số 43, Tài liệu 2005 (tương ứng một phần thửa 895, 78, 79, 82 tờ bản đồ số 12, 13, Tài liệu 02/CT-UB) thuộc Bộ địa chính xã Đ, huyện B để thực hiện Dự án nâng cấp Quốc lộ E; riêng phần đường có diện tích 34,3 m² do Nhà nước trực tiếp quản lý.

Ngày 25/12/2012, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 9293/QĐ-UBND điều chỉnh Điều 1 Quyết định 4270/QĐ-UBND về diện tích đất thu hồi từ 110m² thành 140,4 m².

- Về việc xác định **vị trí** căn nhà số D ấp D, xã Đ, huyện B (do ông Phạm Văn C đang trực tiếp quản lý, sử dụng tại thời điểm thu hồi đất) nằm trên thửa đất số 79 hay thửa số 580 Tờ bản đồ số 13 theo Tài liệu 02/CT-UB Bộ địa chính xã Đ, huyện B (Theo Tài liệu năm 2005 thuộc thửa 49) và thời điểm xây dựng căn nhà.

Theo Đơn xin cấp sổ nhà ghi ngày 27/3/2006 (thời điểm này chưa có chủ trương thu hồi đất để thực hiện Dự án nâng cấp Quốc lộ E), ông C xin cấp sổ nhà cho căn nhà có nguồn gốc do cha mẹ xây dựng từ năm 1987, nguồn gốc đất do cha mẹ trực tiếp sử dụng từ năm 1975, *“lý do cấp sổ nhà: điện sinh hoạt và thuận lợi trong việc sử dụng điện, phép kinh doanh”*. Trên đơn, ông C không ghi nhà nằm trên thửa đất nào nhưng trên phần đề xuất của Ủy ban nhân dân xã Đ có ghi vị trí nhà thuộc thửa 580 Tờ Bản đồ 13 theo Tài liệu 02, thời điểm xây dựng nhà năm 1987, hết thời hiệu xử phạt, tình trạng pháp lý nhà: quyền sử dụng đất

số 2443 ngày 15/5/2000 loại đất ở do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho ông Phạm Văn L1, nhà xây dựng không phép, đề xuất số nhà D.

Theo Thông báo về việc tạm cấp số nhà số 2577/TB-UB-QLĐT ngày 06/6/2006 của Ủy ban nhân dân huyện B thì căn nhà số D ấp D, xã Đ, huyện B có vị trí nhằm thửa 580 Tờ bản đồ 13 theo Tài liệu 02/CT-UB Bộ địa chính xã Đ, huyện B.

Theo Công văn số 255/UBND ngày 22/4/2013 của Ủy ban nhân dân xã Đ về việc xác nhận hồ sơ bồi thường của ông C thì: *“Thông báo về việc tạm cấp số nhà 2577/TB-UB-QLĐT ngày 06/6/2006 cấp cho ông Phạm Văn C thì vị trí thuộc thửa 580 tờ bản đồ 13 (TL02/CT-UB) là do ghi sai số thửa, thực tế căn nhà của ông Phạm Văn C sử dụng đúng tại vị trí đất bị ảnh hưởng Quốc lộ E có nguồn gốc của cha Phạm Văn L1 sử dụng trước năm 1975, nhà số D do cha Phạm Văn L1 xây dựng năm 1986 cho lại năm 1990 sử dụng ổn định đến nay không có tranh chấp;”*

Theo Công văn số 934/UBND ngày 04/6/2015 của Ủy ban nhân dân xã Đ về việc xác minh nguồn gốc, quá trình sử dụng đất đối với thửa 79 tờ Bản đồ 13 theo Tài liệu 02/CT-UB Bộ địa chính xã Đ, huyện B thì: *“Thông báo về việc tạm cấp số nhà 2577/TB-UB-QLĐT ngày 06/6/2006 cấp cho ông Phạm Văn C thì vị trí thuộc thửa 580 tờ bản đồ 13 (TL02/CT-UB) là do ghi sai số thửa, thực tế căn nhà của ông Phạm Văn C sử dụng đúng tại vị trí đất bị ảnh hưởng Quốc lộ E có nguồn gốc của cha Phạm Văn L1 sử dụng trước năm 1975, nhà số D do cha Phạm Văn L1 xây dựng năm 1986 cho lại năm 1990 sử dụng ổn định đến nay không thay đổi vị trí căn nhà. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phạm Văn L1 thửa đất số 79 tờ Bản đồ 13 theo Tài liệu 02/CT-UB loại đất Ao là có sai sót trong lúc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thực tế trên đất đã có nhà từ năm 1986 không thay đổi”;*

Theo Công văn số 2003/UBND ngày 27/10/2015 của Ủy ban nhân dân xã Đ thì: *“vị trí xây dựng căn nhà thuộc thửa 79 Tờ bản đồ số 13 theo Tài liệu 02/CT-UB đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn L1, có nguồn gốc do ông L1 xây dựng năm 1987 đến năm 1990 cho lại con là Phạm Văn C”.*

Theo Công văn số 504/UBND ngày 23/3/2016 của Ủy ban nhân dân xã Đ về việc xác định nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, thời điểm xây dựng nhà của ông C (theo đề nghị của Thanh tra huyện B tại Công văn số 102/TTH ngày 11/3/2006) thì: *“Căn nhà D7/233/1 ấp D xã Đ, huyện B đã được cấp số nhà cho ông C thuộc thửa 580, Tờ bản đồ số 13 theo tài liệu 02/CT-UB xây dựng năm 1987. Phần nhà bị ảnh hưởng trong dự án thuộc thửa 79 Tờ bản đồ số 13 theo tài liệu 02/CT-UB chưa được cấp số nhà, được xây dựng năm 2007”.*

Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/9/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì người đại diện theo ủy quyền của ông C và những người dân sống lâu năm trong khu dân cư cho rằng vị trí số 3 thể hiện

trên biên bản là vị trí nhà đất bị giải tỏa mang số D7/233/1, ông C không còn sử dụng căn nhà nào khác trong phần đất do cha mà ông Phạm Văn L1 kê khai, đăng ký.

Ý kiến của Ủy ban nhân dân xã Đ thể hiện tại Báo cáo số 3042/BC-UBND ngày 10/10/2024 gửi cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/9/2024) thì trên thửa 580, Tờ bản đồ số 13 theo Tài liệu 02/CT-UB có 02 địa chỉ (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 138/GP-UB do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 16/6/2000 thể hiện thửa đất nêu trên có số nhà D; theo Thông báo về việc tạm cấp số nhà số 2577/TB-UB-QLĐT ngày 06/6/2006 của Ủy ban nhân dân huyện B thì thửa đất nêu trên có nhà số D ấp D, xã Đ, huyện B); trên thửa 79 Tờ bản đồ số 13 theo tài liệu 02/CT-UB không tìm thấy hồ sơ cấp số nhà liên quan đến thửa đất trên.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 111 QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho hộ ông Phạm Văn L1 ngày 15/3/2000 thì quyền sử dụng 5.661m² đất gồm các thửa 78 (294m²), 79 (171m² - đất ao), 80 (3.565m²), 81 (158m²) và 82 (1.473m²) Tờ bản đồ số 13 theo Tài liệu 02/CT-UB, xã Đ, huyện B. Theo Bản vẽ hiện trạng nhà số D ấp D xã Đ số hợp đồng HT-01 ngày 20/10/1999 thì căn nhà D7/233 ấp D, xã Đ, huyện B nằm trên một phần thửa 78, 79, 80, 82 Tờ bản đồ số 13 theo Tài liệu 02/CT-UB xã Đ, huyện B có hai nhà: Nhà 1 (được đánh số 1 trên Bản vẽ) có diện tích xây dựng 130,9m², nhà 2 (được đánh số 2 trên Bản vẽ) có diện tích xây dựng 46,8m².

Ngày 15/5/2000, hộ ông Phạm Văn L1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2143 QSDĐ cho thửa đất 580 (diện tích 400m², loại đất ở) Tờ bản đồ số 13 theo Tài liệu 02/CT-UB, xã Đ, huyện B. Thửa 580 này là thửa mới, được thành lập từ một phần thửa 78 (257m²), một phần thửa 79 (19m²) và một phần thửa 80 (124m²). Theo Bản đồ hiện trạng vị trí bổ túc hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hợp đồng 1900 HĐ/NĐ-DVND 99 ngày 11/02/2000 của Công ty cổ phần Đ4 để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho thửa 580 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2143 QSDĐ ngày 15 tháng 5 năm 2000 thì phần diện tích còn lại của thửa 78 (37m²), thửa 79 (139m²), thửa 80 (24m²) và thửa 82 (45m²), tổng cộng 245m² đều được xác định là phần đất vi phạm lộ giới.

Ngày 16/6/2000, ông L1 được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 138/GP-UB cho căn nhà số D ấp D, xã Đ, huyện B, tổng diện tích nhà là 177,7m².

Như vậy, căn cứ vào Bản đồ hiện trạng vị trí bổ túc hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hợp đồng 1900 HĐ/NĐ-DVND 99 ngày 11/02/2000 và Bản vẽ hiện trạng nhà số D ấp D xã Đ số hợp đồng HT-01 ngày 20/10/1999 thì tại thời điểm năm 1999 – 2000 trên diện tích 400m² đất thuộc một phần thửa 78, 79, 80, 82 Tờ bản đồ 13 theo Tài

liệu 02/CT-UB xã Đ, huyện B sau này tạo thành thửa mới 580 chỉ có căn nhà số D ấp D, xã Đ, huyện B. Theo nội dung Công văn số 2003/UBND ngày 27/10/2015 thì “*phần đất nằm trong ranh lộ giới Quốc lộ E thuộc thửa đất số 79 tờ bản đồ số 13 theo tài liệu 02/CT-UB đã thể hiện phần đất vi phạm lộ giới nghĩa là đã có xây dựng nhà ở trên đất do đó thể hiện đất vi phạm lộ giới*”. Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/9/2024, đại diện người khởi kiện và những người dân sống trong khu dân cư cũng xác định căn nhà bị giải tỏa nằm ở vị trí số 3 chứ không phải vị trí số 1 và số 2 được ký hiệu trên Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, vị trí này cũng phù hợp với vị trí nhà, đất bị thu hồi trong Bản đồ hiện trạng vị trí số 469/2009/HĐĐĐ-CNBT (Bản vẽ số 161) ngày 26/10/2010 do Trung tâm Kiểm định bản đồ và Tư vấn tài nguyên môi trường lập và được Ủy ban nhân dân xã xác nhận ngày 12/4/2012.

Ngoài ra, theo Thông báo số 268/TB-UBND và Thông báo số 269/TB-UBND cùng ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân xã Đ về việc cấp đổi sổ nhà thuộc thửa 49 Tờ bản đồ 43 theo Tài liệu BĐĐC tuyến đường Quốc lộ 50 thì 2 căn nhà trên thửa 49 (hay thửa 580 Tờ bản đồ 13 theo Tài liệu 02/CT-UB): nhà 1 (D7/233) được đổi sang địa chỉ 2596 Quốc lộ E và nhà B (không số) đổi sang địa chỉ 2598 Quốc lộ E và theo Bản vẽ xin phép xây dựng số 01/01 ĐP: 14/8/23/DG-LT do Công ty TNHH T8 và Giấy phép xây dựng có thời hạn số 1038/GPXD do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 31/8/2023 cho bà T6 (đại diện) thì trên một phần thửa 580 Tờ bản đồ 13 theo Tài liệu 02/CT-UB vẫn chỉ có 02 căn nhà nêu trên. Nếu cho rằng căn D7/233/1 nằm trên thửa 580 Tờ bản đồ 13 theo Tài liệu 02/CT-UB thì khi cấp đổi sang sổ nhà mới vào năm 2023 thì phải có thông báo cấp đổi sổ nhà nhưng thực tế không có thông báo cấp đổi sổ nhà và không tồn tại căn nhà D7/233/1 trên thửa 580 Tờ bản đồ số 13 theo Tài liệu 02/CT-UB.

Theo Văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 11/01/2010, trên thửa 580 Tờ bản đồ số 13 theo Tài liệu 02/CT-UB chỉ có hai căn nhà là nhà số D và D, không có căn nhà D7/233/1 ấp D, xã Đ, huyện B.

Theo Bản đồ hiện trạng vị trí HĐ số 01/HĐĐĐ/BBT-ĐP316B do Công ty TNHH Đ5 xây dựng lập ngày 20/5/2013, Ủy ban nhân dân xã Đ duyệt ngày 19/8/2014 để phục vụ công tác đền bù giải tỏa Dự án đầu tư xây dựng đường C - L trên địa bàn huyện B thì trong phần nhà, đất bị thu hồi, giải tỏa có 01 căn nhà có một phần bị giải tỏa trong dự án nâng cấp Quốc lộ E và có một phần đất bị giải tỏa trong dự án đầu tư xây dựng đường C - L.

Xét các tài liệu, chứng cứ nêu trên thì mặc dù có sự mâu thuẫn về vị trí căn nhà D7/233/1 ấp D, xã Đ, huyện B thuộc thửa đất số 79 hay thửa số 580 (do có sự thay đổi nhập tách thửa đất, do cách xác định nhầm lẫn của công chức địa chính Ủy ban xã Đ và kê khai của người dân không chính xác) nhưng tựu chung lại thì vị trí nhà đất số D có vị trí không đổi được ông Phạm Văn L1 (cha của ông Phạm Văn C) xây dựng từ năm 1987 và cho lại con trai là ông Phạm Văn C trực tiếp quản lý, sử dụng từ năm 1990), các anh chị em của ông L1 đều thừa

nhận và không có tranh chấp. Ủy ban nhân dân huyện B và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng căn nhà D nằm ở vị trí 1, vị trí 2 trên thửa 580 (không nằm trên thửa còn lại của thửa 79) đã được bồi thường cho bà T6 và chưa được xây dựng năm 1996, là không chính xác.

- Về loại đất bị thu hồi:

Trên cơ sở xác định vị trí căn nhà bị thu hồi, giải tỏa trong Dự án nâng cấp Quốc lộ E đã phân tích ở trên thì căn nhà mang số D7/233/1 ấp D xã Đ, huyện B không nằm trên thửa 580 mà nằm trên thửa 79 Tờ bản đồ 13 theo Tài liệu 02/CT-UB xã Đ, huyện B và nhà được xây dựng từ năm 1987.

Do đó, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 3398/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ bổ sung thiệt hại về đất nông nghiệp trong khu dân cư mặt tiền đường Quốc lộ 50 cho bà Phạm Thị Hồng T6 (đại diện các đồng thừa kế của ông Phạm Văn L1 trong đó có ông C) diện tích 140,4m² **theo đơn giá đất nông nghiệp** trong khu dân cư với số tiền 245.832.257 đồng là không đúng quy định, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện.

[2.2.2] Về chủ thể được bồi thường.

Ông Phạm Văn L1 chết năm 2009 nên các đồng thừa kế của ông L1 đã thực hiện thủ tục khai nhận di sản thừa kế, trong đó đã đo vẽ thửa đất theo Bản vẽ sơ đồ nhà ở, đất ở số hợp đồng 041/ĐĐBĐ/2010 do Công ty CP L2 lập ngày 12/5/2009, đã được kiểm tra nội nghiệp ngày 08/6/2010. Theo Bản vẽ này, các đồng thừa kế của ông L1 đã **trừ ra** phần diện tích 4,6m² của thửa 78 và 131,5m² của thửa 79 Tờ bản đồ số 13 theo Tài liệu 02/CT-UB, xã Đ, huyện B (*là phần đất ông C đang sử dụng*).

Ngày 05/4/2010, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện B đã có Công văn số 78/VPĐK yêu cầu các thành viên trong hộ ông L1 phải cử thành viên trong hộ đại diện đứng tên trên giấy chứng nhận vì trong hồ sơ còn thiếu giấy ủy quyền. Thực hiện theo yêu cầu này, các đồng thừa kế của ông L1 đã lập Hợp đồng ủy quyền ngày 06/4/2010 cho bà Phạm Thị Hồng T6 đại diện đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện B đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BC 317264, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00398 ngày 12/8/2010 cho bà T6 là người đại diện đứng tên trên giấy chứng nhận. Theo Giấy chứng nhận này thì các đồng thừa kế của ông L1 được cấp quyền sử dụng luôn cả phần diện tích đã được trừ ra trong Bản vẽ sơ đồ nhà ở, đất ở số hợp đồng 041/ĐĐBĐ/2010 ngày 12/5/2009, đã được kiểm tra nội nghiệp ngày 08/6/2010.

Ngày 06/7/2015, Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện B đã có Công văn số 3141/BBT gửi các đồng thừa kế của ông L1 để đề nghị những người này có ý kiến bằng văn bản đối với việc lập hồ sơ bồi thường cho ông Phạm Văn C.

Ngày 07/7/2015, các đồng thừa kế của ông L1 gồm có bà Phạm Thị B2, Phạm Thị Nguyệt Á1, Phạm Thị Hồng Y, Phạm Thị Hồng T6, Phạm Thị Hồng Đ và Phạm Thu H1 đã ký vào Tờ ưng thuận của các thành viên đồng thừa kế đề cho ông C được nhận bồi thường căn nhà D7/233/1 ấp D, xã Đ, huyện B. Mặc dù vậy, Ủy ban nhân dân huyện B vẫn điều chỉnh chủ thể và địa chỉ thường trú của quyết định bồi thường từ ông C sang bà T6.

Ủy ban nhân dân huyện B và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng bồi thường cho người đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng quy định và viện dẫn Điều 42 Luật đất đai năm 2003.

Tuy nhiên, khoản 1 Điều 42 Luật đất đai năm 2003 quy định:

“Bồi thường, tái định cư cho người có đất bị thu hồi

1. Nhà nước thu hồi đất của người sử dụng đất mà người bị thu hồi đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50 của Luật này thì người bị thu hồi đất được bồi thường, trừ các trường hợp quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 10, 11 và 12 Điều 38 và các điểm b, c, d, đ và g khoản 1 Điều 43 của Luật này”.

Như vậy, Luật đất đai các thời kỳ đều trú trọng việc bồi thường cho người trực tiếp quản lý, sử dụng đất. Trong trường hợp này, các đồng thừa kế của ông L1 đã xác nhận nhà, đất D7/233/1 ấp D, xã Đ, huyện B do ông L1 xây dựng từ năm 1987, đã cho ông C từ năm 1990; đồng thời, ưng thuận đề ông C nhận bồi thường; mặt khác, ông C cũng là một trong những người có quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 317264, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00398 ngày 12/8/2010 (bà T6 chỉ là đại diện đứng tên).

[2.2.2] Về chính sách tái định cư khi thu hồi đất

Theo Bản vẽ phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng số 469/2009/HĐĐĐ ngày 26/10/2010 thì ông Phạm Văn C bị thu hồi diện tích 140,4m² đất, phần đất ngoài ranh giải phóng mặt bằng còn lại là 40,7m², trong đó có 3,3m² đất thuộc một phần thửa 895 Tờ bản đồ số 12 theo Tài liệu 02/CT-UB; 10,4m² đất thuộc một phần thửa 78 và 27m² thuộc một phần thửa 79 Tờ bản đồ số 13 theo Tài liệu 02/CT-UB. Ông C đề nghị được thu hồi hết đất do diện tích đất còn lại có 38,5m² nằm trong lộ giới, 2,2m² nằm ngoài lộ giới và kích thước thửa đất không thể xây dựng nhà.

Ông C cũng đã ghi vào Phiếu kê khai nhà, đất và tài sản bị ảnh hưởng trong Dự án đầu tư nâng cấp Quốc lộ E ngày 07/10/2010 đề nghị Ủy ban nhân dân huyện B xem xét yêu cầu tái định cư và khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường C - L trên địa bàn huyện B thì phần đất còn lại 40,7m² nêu trên cũng đã bị thu hồi và lập hồ sơ bồi thường cho bà T6. Hiện nay, ông C bị thu hồi hết diện

tích, không còn nơi ở nào trên địa bàn xã Đ (nay thuộc xã H), Thành phố Hồ Chí Minh.

Mặt khác, về chính sách tái định cư: Theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thì người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Nghị định này mà phải di chuyển chỗ ở thì được bố trí tái định cư; Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư quy định: Đối với hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở mà không có chỗ ở nào khác thì được giao đất ở hoặc nhà ở tái định cư; ngoài ra, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định: *“Trường hợp trong hộ gia đình quy định tại Khoản 1 Điều này mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở thu hồi thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quỹ đất ở, nhà ở tái định cư và tình thực tế tại địa phương quyết định mức đất ở, nhà ở tái định cư cho từng hộ gia đình”*.

Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện B thu hồi toàn bộ diện tích đất của ông Phạm Văn C mà không xem xét bố trí tái định cư cho hộ ông C là không phù hợp với các quy định của pháp luật cũng như không đúng với nguyên tắc là việc bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất phải bảo đảm người có đất bị thu hồi có chỗ ở, đảm bảo thu nhập và điều kiện sống bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C hủy Quyết định số 9147/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của UBND huyện B; Quyết định 8841/QĐ-UBND ngày 05/10/2018; Quyết định 10546/QĐ-UBND ngày 05/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B; Quyết định 1631/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND huyện B; Quyết định 1845/QĐ-UBND ngày 01/02/2019 của UBND huyện B; Quyết định 7245/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của Chủ tịch UBND huyện B; Quyết định 3398/QĐ-UBND ngày 12/4/2019 của UBND huyện B (kèm phiếu chiết tính số 2021/PCT-BBT ngày 03/4/2019) và Quyết định 2292/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh M (kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, Thành phố Hồ Chí Minh) và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh M (kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, Thành phố Hồ Chí Minh); không chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh M (kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, Thành phố Hồ Chí Minh) và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh M (kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, Thành phố Hồ Chí Minh) phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Bác kháng cáo của người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, Thành phố Hồ Chí Minh) và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh M (kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, Thành phố Hồ Chí Minh); Bác kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 50/2025/HC-ST ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C.

- Hủy các quyết định:

+ Quyết định số 9147/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của Ủy ban nhân dân huyện B về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất, vật kiến trúc đối với ông Phạm Văn C, địa chỉ thường trú D ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ giải tỏa D7/233/1 ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh trong Dự án nâng cấp Quốc lộ 50 trên địa bàn huyện B;

+ Quyết định số 8698/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc điều chỉnh chủ thể và địa chỉ thường trú tại Quyết định số 4270/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2012 và Quyết định số 9293/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân huyện B;

+ Quyết định số 8841/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc điều chỉnh chủ thể và địa chỉ thường trú tại Quyết định số 9147/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân huyện B;

+ Quyết định số 10546/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn C (lần đầu);

+ Quyết định số 1631/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc điều chỉnh một phần nội dung Quyết định số 10546/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B;

+ Quyết định số 1845/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc thu hồi hủy bỏ Quyết định số 9147/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân huyện B về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất, vật kiến trúc đối với ông Phạm Văn C và Quyết định số 8841/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc điều chỉnh chủ thể và địa chỉ thường trú tại Quyết định số 9147/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân huyện B;

+ Quyết định số 3398/QĐ-UBND ngày 12/4/2019 của Ủy ban nhân dân huyện B bổ sung bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất đối với bà Phạm Thị Hồng T6 (đại diện hộ gia đình), địa chỉ giải tỏa: D7/233, D7/233B ấp D, xã Đ, huyện B trong Dự án nâng cấp Quốc lộ 50 trên địa bàn huyện B;

+ Quyết định số 7245/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn C (lần đầu);

+ Quyết định số 2292/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn C (lần hai).

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện B (kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, Thành phố Hồ Chí Minh) thực hiện nhiệm vụ, công vụ, ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông Phạm Văn C theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với phần nhận định của bản án liên quan đến yêu cầu của người khởi kiện.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, Thành phố Hồ Chí Minh) và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, Thành phố Hồ Chí Minh) phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ theo các Biên lai thu số 0070468 ngày 25/4/2025 và 0070469 ngày 25/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

4. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VCTVKSXXPT tại TP Hồ Chí Minh (1);
- TAND TP Hồ Chí Minh (1);
- VKSND TP Hồ Chí Minh (1);
- THADS TP Hồ Chí Minh (1);
- Người khởi kiện (1);
- Người bị kiện (3);
- NCQLNVLQ (1)
- Lưu hồ sơ (2), VP (6), 18b, (LMA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Minh

